

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC HÓA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/DS-ST

Ngày: 30-8-2022

V/v “Tranh chấp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC HÓA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Lai

Ông Võ Ngọc Bột

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 72/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2022 về việc “Tranh chấp hui”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần T V, sinh năm 1971

Địa chỉ: huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Trần T M, sinh năm 1954

2.2. Ông Trương V T, sinh năm 1951

Cùng địa chỉ: huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trần T V trình bày: Bà V có tham gia 02 dây hui do bà M làm chủ thảo, 02 dây hui có ngày mở hui, số tiền hui, số hui viên giống nhau, cụ thể 02 dây hui cùng mở vào ngày 10-10-2017, hui 10.000.000 đồng, loại hui 03 tháng mở hui một lần, mỗi dây hui gồm 28 phần trong đó bà V tham gia 01 phần, mỗi dây hui bà V đã đóng hui được 17 kỳ, đến kỳ mở hui thứ 18 thì bà M đình hui, không tiếp tục mở nữa. Do bà

M không tiếp tục mở hui nên bà V yêu cầu bà M trả tiền hui nhưng bà M kéo dài chưa trả, do đó bà V tiến hành khởi kiện.

Bà V khởi kiện yêu cầu bà M và ông T liên đới trả số tiền hui của 02 dây là 340.000.000 đồng (mỗi dây hui là 170.000.000 đồng), không yêu cầu tính lãi chậm trả.

Tại phiên tòa, bà V thống nhất khấu trừ tiền hui bà V còn nợ là 164.000.000 đồng và tiền hui bà M đã trả là 26.300.000 đồng, tổng cộng khấu trừ số tiền 190.300.000 đồng. Do đó, bà V yêu cầu bà M và ông T liên đới trả số tiền hui là 149.700.000 đồng.

- *Ý kiến của bị đơn bà Trần T M và ông Trương V T:* Bà M và ông T thống nhất có làm chủ thảo hui đúng như các tình tiết bà V đã trình bày và thống nhất còn nợ bà V tiền hui là 340.000.000 đồng đối với 02 dây hui 10.000.000 đồng mở ngày 10-10-2017. Tuy nhiên bà V còn nợ ông bà tiền hui của 02 dây hui khác, bà V là hui viên đã lĩnh hui và nợ tiền hui cụ thể như sau: tiền hui 54.000.000 đồng đối với dây hui 3.000.000 đồng mở vào ngày 15-7-2020 và tiền hui 110.000.000 đồng đối với dây hui 10.000.000 đồng mở vào ngày 15-12-2018, ngoài ra vào ngày 10-01-2022 bà M đã trả tiền hui cho bà V là 26.300.000 đồng. Bà M và ông T đề nghị khấu trừ số tiền hui bà V còn nợ và tiền hui bà M đã trả tổng cộng là 190.300.000 đồng, sau khi khấu trừ thì bà M và ông T còn nợ bà V số tiền hui là 149.700.000 đồng. Tại phiên tòa, bà M và ông T đồng ý trả bà V số tiền 149.700.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xét thấy, nguyên đơn bà Trần T V khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Trần T M và ông Trương V T liên đới trả số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng góp hui được quy định tại Bộ luật Dân sự và bị đơn cư trú tại huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hui” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần T V:

Tại phiên tòa, bà M và ông T thống nhất bà V có tham gia 02 dây hui do bà M làm chủ thảo đúng như bà V đã trình bày, bà M và ông T thống nhất còn nợ bà V số tiền hui 340.000.000 đồng. Xét thấy, sự thừa nhận của bà M và ông T là tự nguyện, đây là tình tiết không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử xác định tình tiết bà M và ông T còn nợ bà V số

tiền hui 340.000.000 đồng đối với 02 dây hui 10.000.000 đồng mở ngày 10-10-2017 theo như bà V đã trình bày là đúng sự thật.

Các đương sự thống nhất khấu trừ tiền hui bà V còn nợ bà M là 164.000.000 đồng và tiền hui bà M đã trả là 26.300.000 vào số tiền hui bà M và ông T còn nợ nên tính đến thời điểm xét xử bà M và ông T còn nợ bà V số tiền hui 149.700.000 đồng. Xét thấy, thỏa thuận khấu trừ tiền hui của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Do đó, Hội đồng xét xử xác định tính đến thời điểm xét xử ông T và bà M còn nợ bà V số tiền hui 149.700.000 đồng, bà V khởi kiện yêu cầu ông T và bà M liên đới trả tiền hui 149.700.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa ông T và bà M đề nghị được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng không được bà V đồng ý. Xét thấy ông T và bà M đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, tuy nhiên ông T và bà M tiếp tục đề nghị được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng, như vậy là trả dần kéo dài trong hơn 10 năm, đề nghị trả dần như trên là không phù hợp, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà V nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Bà V không yêu cầu bà M và ông T trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền sau khi xét xử được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[4] Về án phí:

Bà M và ông T có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với yêu cầu khởi kiện của bà V được chấp nhận. Tuy nhiên bà M và ông T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bà V được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 288, 357, 466, 468 và 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần T V đối với bà Trần T M và ông Trương V T, về việc yêu cầu trả tiền nợ hụi.

Buộc bà Trần T M và ông Trương V T liên đới trả cho bà Trần T V số tiền 149.700.000 đồng (một trăm bốn mươi chín triệu bảy trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần T M và ông Trương V T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần T V không phải chịu án phí, được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.500.000 đồng (tám triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010463 ngày 01 tháng 8 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mộc Hóa;
- Chi cục THADS huyện Mộc Hóa;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Minh Trọng